

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Số 229/2020/HS-ST
Ngày 30/12/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Cự;
Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 206/2020/TLST – HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa ra xét xử số 194/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Đ T**, sinh năm: 1996; nơi sinh: Lâm Đồng; đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; họ và tên cha: Đỗ Văn T (đã chết); họ và tên mẹ: Phạm Thị L (đã chết); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú và tạm giữ từ ngày 26/9/2020 đến ngày 05/10/2020 chuyển tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Vĩnh C**, sinh năm 1998; nơi sinh: Hà Nội; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số X Bạch Mai, phường B, quận H, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; họ tên cha: Trần Anh Q, sinh 1970; họ và tên mẹ:

Đào Thị H, sinh 1979; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú và tạm giữ từ ngày 25/9/2020 đến ngày 04/10/2020 hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện G, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đặng Tuấn Đ, sinh năm 1998; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số Y ngõ P, phường H, quận H, thành phố H; nơi cư trú: Số Z phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 20/9/2020, anh Phạm Văn D đến Công an xã Dương Hà, huyện Gia Lâm, Hà Nội trình báo về việc: Khoảng 23 giờ 00 ngày 07/9/2020, anh D để chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS 29N1-703.05, số máy: JF86E0086681, số khung: 58235Y031557 ở sân. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 08/9/2020, bố con anh phát hiện bị mất xe.

Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát camera: Thu giữ của chị Nguyễn Thu Trang 04 ảnh đen trắng KT 9x12cm chụp lại từ camera của gia đình chị.

Ngày 25/9/2020 và 26/9/2020 Đỗ Đ T, Trần Vĩnh C và Nguyễn Tuấn D, sinh năm 2005; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4 phố N, phường C, quận H, thành phố H đến Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm đầu thú.

Tại cơ quan điều tra, Trần Vĩnh C, Đỗ Đ T và Nguyễn Tuấn D khai nhận: T, C và D là bạn bè quen biết bên ngoài xã hội. Vì không có tiền tiêu sai nên khoảng 01 giờ 30 ngày 08/9/2020, T rủ C, D đi trộm cắp tài sản. C và D đồng ý. Để thực hiện được mục đích của mình, T phân công: D và C ở bên ngoài cảnh giới để T trực tiếp vào lấy tài sản. C đèo T và D bằng xe máy nhãn hiệu Wave màu xanh không có biển kiểm soát của C đi từ Hoàn Kiếm, Hà Nội sang khu vực Gia Lâm, Hà Nội. Khi đến ngõ 79 thôn Thượng, Dương Hà, Gia Lâm, Hà Nội; C và D ở ngoài cảnh giới, còn T đi bộ vào trong ngõ thì phát hiện cổng nhà anh Phạm Văn D không khóa, chỉ cài then, trong sân có chiếc xe máy Vision màu trắng, biển kiểm soát 29N1-703.05 không khóa cổ, không khóa càng, không có ai trông giữ. T lén lút mở cổng đi vào dắt chiếc xe máy đó ra chỗ D và C đang cảnh giới bên ngoài. Do không có chìa khóa xe nên C chở T bằng xe máy

của C ngồi sau dùng chân đẩy chiếc xe máy Vision vừa trộm được do D cầm lái về bãi xe ở 78 Nguyễn Khiết, phường Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội gửi ở đó. Để tránh bị phát hiện thì Dũng, C và T đã tháo biển kiểm soát, gương xe vớt lại ở trên đường. Trưa ngày 08/9/2020, C và D vào bãi gửi xe mang chiếc xe máy vừa trộm cắp được của anh Phạm Văn D ra cửa hàng sửa khóa của anh Đinh Văn Hải ở 20 Hàng Gai, Hoàn Kiếm để đánh chìa khóa. Anh Hải không biết đó là xe máy do T, C vừa trộm cắp được nên đồng ý. Sau khi đánh được chìa khóa và nổ máy, C gọi điện cho T để đi bán xe lấy tiền tiêu sài. T đã bán cho anh Đặng Tuấn Đ (T quen biết trong nhóm mua bán xe trên mạng xã hội). Khi mua xe, anh Đ không biết được đó là tài sản do trộm cắp mà có nên đồng ý mua với giá 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Vì xe không có biển kiểm soát, chưa có giấy tờ nên anh Đ đưa trước cho T 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và hẹn sẽ trả nốt số tiền còn lại sau khi giao đủ giấy tờ và biển kiểm soát xe. Sau khi bán được xe, T chia cho C, D mỗi người 02 triệu đồng. Số tiền này các đối tượng thú nhận đã tiêu xài hết.

Về vật chứng thu giữ, gồm:

- Thu giữ của Trần Vĩnh C: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu xanh đen bạc có số khung: RLHJA3918LY061181, số máy: JA39E1396582 chưa có biển kiểm soát; 01 bản photo phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng và 01 bản photo hóa đơn mua bán xe của Trần Vĩnh C;

- Thu giữ của anh Đặng Tuấn Đ: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu trắng nâu đen, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, số máy: JF86E0086681, số khung: 5823JY031557.

Tại Kết luận định giá tài sản số 195/KL-HĐĐG ngày 01/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Gia Lâm kết luận: 01 chiếc xe máy loại Honda Vision màu trắng nâu đen, biển kiểm soát 29N1-703.05, số máy: JF86E0086681, số khung: 5823JY031557, đã qua sử dụng có giá trị 21.000.000 đồng

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm, Trần Vĩnh C và Đỗ Đ T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu trắng nâu đen, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, số máy: JF86E0086681, số khung: 5823JY031557, quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Phạm Văn D. Ngày 09/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm đã trao trả lại cho anh Phạm Văn D chiếc xe máy trên. Anh D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu xanh đen bạc có số khung: 061181, số máy: 1396582 chưa có biển kiểm soát, quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Trần Vĩnh C, được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với anh Đặng Tuấn Đ: Khi mua xe của T, anh Đ không biết đó là xe máy do trộm cắp mà có. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với anh Đ. Anh Đ không yêu cầu T phải trả lại số tiền 6.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 205/CT-VKSGL ngày 24 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố các bị cáo Đỗ Đ T và Trần Vĩnh C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Đ T từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Vĩnh C từ 12 tháng đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 đến 32 tháng; giao bị cáo Trần Vĩnh C cho Ủy ban nhân dân phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành bản án; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu xanh đen bạc có số khung: 061181, số máy: 1396582 thu giữ của bị cáo C.

Theo hướng dẫn tại mục 3 Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì không buộc T, C và D mỗi người

phải truy nộp số tiền 2.000.000 đồng có được từ việc bán xe máy nhãn hiệu Honda Vision.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, các bị cáo không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Gia Lâm và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại là anh Phạm Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Tuấn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của anh D và anh Đ không gây trở ngại cho việc xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D và anh Đ.

[3] Về hành vi phạm tội và tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ 30 ngày 08/9/2020, tại thôn Thượng, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm, Hà Nội, lợi dụng sơ hở nhà anh Phạm Văn D không khóa cổng, không khóa xe; Đỗ Đ T và Trần Vĩnh C đã lén lút, bí mật mở cửa cổng vào sân lấy chiếc xe máy loại Honda Vision màu trắng nâu đen, BKS 29N1-703.05, số máy: JF86E0086681, số khung: 5823JY031557 đã qua sử dụng có giá trị 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu) của anh Phạm Văn D. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm

tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:*

[4.1] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tác hại và hậu quả gây ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi cá nhân.

[4.2] *Về đồng phạm:* Đây là một vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do hai bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, trong đó: Đỗ Đ T là người khởi xướng, xúi giục đồng thời là người thực hành tích cực; Trần Vĩnh C là người giúp sức. Nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, song về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[4.3] *Về nhân thân các bị cáo:*

Bị cáo Đỗ Đ T không có nơi cư trú rõ ràng. Ngày 25/12/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã khởi tố bị can đối với Đỗ Đ T về tội “*Cướp tài sản*”.

Bị cáo Trần Vĩnh C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Sau khi trộm cắp tài sản, các bị cáo đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Như vậy, bị cáo T và bị cáo C có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tổng hợp nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo T: Cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đảm bảo việc răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với bị cáo C: Có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xét thấy không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Gia Lâm tại phiên toà là phù hợp.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên toà thể hiện: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu xanh đen bạc có số khung: 061181, số máy: 1396582 chưa có biển kiểm soát thuộc sở hữu của bị cáo Trần Vĩnh C là phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội.

Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm đã trao trả chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu trắng nâu đen, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, số máy: JF86E0086681, số khung: 5823JY031557 cho bị hại là anh Phạm Văn D, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng anh Đ đã trả cho Đỗ Đ T để mua chiếc xe mà các bị cáo trộm cắp của anh Dũng, anh Đ không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền nói trên nên Hội đồng xét xử cũng không buộc T, C và D mỗi người phải truy nộp số tiền 2.000.000 đồng có được từ việc bán xe máy do trộm cắp mà có theo tinh thần hướng dẫn tại mục 3 Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] *Về án phí*: Bị cáo Đỗ Đ T và Trần Vĩnh C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] *Về các nội dung khác:*

Đối với anh Đặng Tuấn Đ, khi mua xe của T, anh không biết đó là xe máy do bị cáo phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 28/5/2005, khi thực hiện hành vi trộm cắp ngày 08/9/2020 mới 15 tuổi 3 tháng 8 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Ngày 12/11/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Tuấn D bằng hình thức Cảnh cáo là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Đỗ Đ T và Trần Vĩnh C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. *Về hình phạt:*

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Đ T 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

2.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Vĩnh C 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Vĩnh C cho Ủy ban nhân dân phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành bản án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu xanh đen bạc có số khung: 061181, số máy: 1396582 chưa có biển kiểm soát thu giữ của bị cáo Trần Vĩnh C (tình trạng vật chứng như Biên bản

giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm ngày 11/12/2020).

4. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Bị cáo Đỗ Đ T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Vĩnh C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là anh Phạm Văn D vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Tuấn Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Công an huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND phường T, (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- UBND phường B (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Trọng

